Người ký: Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân
Email: vpubdautieng@binhduong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bình Dương
Thời gian ký: 29.07.2024 08:44:49 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12 /NQ-HĐND	*Dầu Tiếng, ngày 23 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Về việc cho ý kiến dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
KHÓA V- KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết về một số điều của Luật Đầu tư công;

Sau khi xem xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 94/BC-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến đóng góp của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thống nhất nội dung dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau khi rà soát là 236 tỷ 034 triệu đồng *(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi sáu tỷ không trăm ba mươi bốn triệu đồng)*. Trong đó:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn phân cấp theo tỷ lệ điều tiết dự kiến là 236 tỷ 034 triệu đồng, phân bổ cho 28 dự án, 06 nhiệm vụ quy hoạch và hỗ trợ 12 xã, thị trấn, bao gồm:

- Phân bổ cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện và các ngành huyện thực hiện là 165 tỷ 776 triệu đồng; gồm:

+ Phân bổ 11 dự án chuyển tiếp: 85 tỷ 650 triệu đồng.

+ Phân bổ 12 dự án chuẩn bị đầu tư: 700 triệu đồng.

+ Phân bổ 06 nhiệm vụ quy hoạch: 11 tỷ 909 triệu đồng.

+ Phân bổ 05 dự án khởi công mới: 67 tỷ 217 triệu đồng.

- Hỗ trợ vốn đầu tư cho 12 xã, thị trấn là 70 tỷ 258 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục)

Điều 2: Giao Ủy ban nhân dân huyện:

1. Tiếp tục làm việc với các cơ quan của tỉnh nhằm huy động tối đa các nguồn vốn để bổ sung vào nguồn vốn đầu tư công của huyện giai đoạn 2021-2025 và của năm 2025.

2. Căn cứ văn bản chỉ đạo của tỉnh, khả năng huy động nguồn vốn theo nhu cầu thực tế của địa phương, kịp thời xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025 trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua theo đúng quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Dầu Tiếng khóa V, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- TT.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch&Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- TT.HU, HĐND huyện;
- UBND huyện, UB.MTTQVN huyện;
- Các Ban, đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT.HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV;
- Website huyện;
- K09.01 – Liên thông;
- Lưu: VT, pdf.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Danh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 12 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Dầu Tiếng)

Đvt: Triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc dự án			Dự kiến kế hoạch 2025	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (vốn NSNN)		
1	2	3	4	5	6	7
A	**VỐN PC THEO TLĐT (I+II)**			**1.135.835**	**236.034**	
I	**VỐN PHÂN BỔ CHO CÁC NGÀNH**			**1.135.835**	**165.776**	
I.1	**DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP**			**253.812**	**85.650**	
a	**Hạ tầng kỹ thuật**			**121.589**	**37.465**	
1	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Bến Súc (tuyến đường N1, N2, N3, N4)	660	10/31/2016	49.919	13.776	
2	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Minh Hòa	661	10/30/2016	71.670	23.689	
b	**Giao thông - thoát nước**			**121.857**	**43.653**	
3	Nâng cấp, mở rộng đường N7 khu dân cư lô F	147	5/11/2023	63.500	25.503	
4	Xây dựng cống Lô 3	224	6/28/2023	3.025	50	
5	Cải tạo, sửa chữa đường ĐH.707	490	11/23/2023	7.902	1.900	

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc dự án			Dự kiến kế hoạch 2025	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (vốn NSNN)		
6	Cải tạo, sửa chữa đường ĐH.715	487	11/23/2023	6.055	1.000	
7	Cải tạo, sửa chữa đường ĐH.704 đoạn từ Km7+391 đến Km30+450	489	11/23/2023	14.993	6.900	
8	Cải tạo, sửa chữa đường ĐH.716, ĐH.717	488	11/23/2023	6.202	1.200	
9	Cải tạo, sửa chữa đường ĐH.704 đoạn từ Km30+450 đến cầu Sóc 5	491	11/23/2023	14.962	6.900	
10	Xây dựng hệ thống thoát nước đoạn qua trung tâm xã Định An	492	11/23/2023	5.218	200	
c	**Quản lý NN**			**10.366**	**4.532**	
11	Cải tạo, nâng cấp Hội trường UBND huyện Dầu Tiếng	510	12/8/2023	10.366	4.532	
L2	**CÁC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**			**782.492**	**700**	
a	**Cấp thoát nước - xử lý nước thải**			**270.972**	**0**	
1	Hệ thống xử lý nước thải thị trấn Dầu Tiếng	726	10/12/2020	270.972		
b	**Giao thông - thoát nước**			**255.000**	**50**	
2	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 (đoạn qua trung tâm xã Minh Tân)	911	11/26/2020	255.000	50	

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc dự án			Dự kiến kế hoạch 2025	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (vốn NSNN)		
c	**Hạ tầng kỹ thuật**			**47.539**	**100**	
3	Cải tạo cây xanh, vỉa hè các tuyến đường nội ô thị trấn Dầu Tiếng, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương.	143	4/19/2022	47.539	100	
d	**Quốc phòng**			**74.966**	**200**	
4	XD trụ sở Ban CHQS xã Minh Hòa	493	8/18/2020	14.988	50	
5	Sở chỉ huy tình trạng khẩn cấp	582	9/8/2020	44.980	50	
6	Xây dựng hồ bơi Ban chỉ huy Quân sự huyện	380	6/3/2021	14.998	100	
e	**An Ninh - Trật tự**			**14.944**	**50**	
7	XD trụ sở công an Thanh Tuyền	727	10/12/2020	14.944	50	
f	**Thương mại - Dịch vụ**			**60.231**	**100**	
8	Chợ An Lập (GĐ 2)	51	2/18/2022	60.231	100	
g	**Quản lý NN**			**14.997**	**50**	
9	Xây dựng mới Hội trường UBND huyện Dầu Tiếng	165	5/4/2022	14.997	50	
c	**Văn hóa -xã hội**			**43.843**	**150**	

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc dự án			Dự kiến kế hoạch 2025	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (vốn NSNN)		
10	Nhà VH xã Định Thành	664	9/23/2020	14.966	50	
11	Nhà VH xã Định Hiệp	662	9/23/2020	14.013	50	
12	Nhà VH xã Minh Thạnh	663	9/23/2020	14.864	50	
I.3	**NHIỆM VỤ QUY HOẠCH**			**20.798**	**11.909**	
1	Quy hoạch chung đô thị mới Long Hòa đến năm 2040	3536	7/28/2021	4.310	2.179	
2	Quy hoạch chung đô thị mới Minh Hòa đến năm 2040	3536	7/28/2021	4.420	2.926	
3	Quy hoạch chung thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đến năm 2040	756	5/13/2021	4.690	1.437	
4	Qui hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái nghĩ dưỡng và Giải trí tại Bán đảo Tha la hồ Dầu Tiếng	216	5/28/2014	3.300	2.426	
5	Qui hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái nghĩ dưỡng và Giải trí cánh đồng Cây Siu	2834	6/4/2024	2.418	1.791	
6	Quy hoạch chi tiết 1/500 khu trung tâm Hành chính Văn hóa xã An Lập	948	12/7/2020	1.660	1.150	
I.4	**DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI**			**78.733**	**67.517**	
a	**Quốc phòng**			**44.721**	**44.063**	
13	XD trụ sở Ban CHQS xã Minh Tân	946	12/7/2020	14.943	14.700	

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc dự án			Dự kiến kế hoạch 2025	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (vốn NSNN)		
14	XD trụ sở Ban CHQS xã Định An	760	10/21/2020	14.965	14.700	
15	XD trụ sở Ban CHQS thị trấn Dầu Tiếng	107	3/25/2022	14.813	14.663	
b	**An Ninh - Trật tự**			**34.012**	**23.454**	
16	XD trụ sở công an An Lập	129	4/24/2023	29.400	18.992	
17	Xây dựng nhà tạm giữ phương tiện vi phạm an toàn giao thông	223	5/30/2022	4.612	4.462	
II	**HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC XÃ, THỊ TRẤN**				**70.258**	
a	**04 Xã, thị trấn**				**25.054**	
1	Thị trấn Dầu Tiếng				5.930	
2	Xã Minh Hoà				6.572	
3	Xã Long Hoà				6.598	
4	Xã Thanh Tuyền				5.954	
b	**Hỗ trợ các xã thực hiện CTMTQG xây dựng NTM, khung GT**				**45.204**	
5	Xã Thanh An				5.536	
6	Xã Định Hiệp				6.100	

STT	Danh mục	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc dự án			Dự kiến kế hoạch 2025	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (vốn NSNN)		
7	Xã Định Thành				5.665	
8	Xã Long Tân				5.503	
9	Xã Minh Thạnh				5.800	
10	Xã Định An				5.800	
11	Xã An Lập				5.000	
12	Xã Minh Tân				5.800	